

Số: 33 /QĐ-CCTK

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
của Chi cục Thống kê thành phố Huế**

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CCTK ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Huế về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Chi cục Thống kê thành phố Huế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Chi cục Thống kê, Kế toán Chi cục, lãnh đạo các phòng thuộc cơ quan Chi cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KHTC-CTK (b/c)
- Lãnh đạo Chi Cục;
- Lưu: VT

CHI CỤC TRƯỞNG

Hoàng Văn Sỹ



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-CCTK ngày 19/5/2025)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước										Mã chương 018					
				Mã chương 013															
				Cơ quan Chi cục	Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7	Cơ quan Chi cục	Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.680	28.680	(23.490)	(670)	(650)	(560)	(480)	(710)	(1.170)	(950)	23.490	670	650	560	480	710	1.170	950
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.680	28.680	(23.490)	(670)	(650)	(560)	(480)	(710)	(1.170)	(950)	23.490	670	650	560	480	710	1.170	950
I	Chi quản lý hành chính	28.641	28.641	(23.451)	(670)	(650)	(560)	(480)	(710)	(1.170)	(950)	23.451	670	650	560	480	710	1.170	950
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.219	15.219	(11.769)	(450)	(430)	(360)	(290)	(490)	(810)	(620)	11.769	450	430	360	290	490	810	620
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13.422	13.422	(11.682)	(220)	(220)	(200)	(190)	(220)	(360)	(330)	11.682	220	220	200	190	220	360	330
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ																		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	39	39	(39)								39							
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	39	39	(39)															
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình																		
5	Chi bảo đảm xã hội																		
6	Chi hoạt động kinh tế																		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường																		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin																		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn																		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao																		
II	Nguồn vốn viện trợ																		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài																		

